

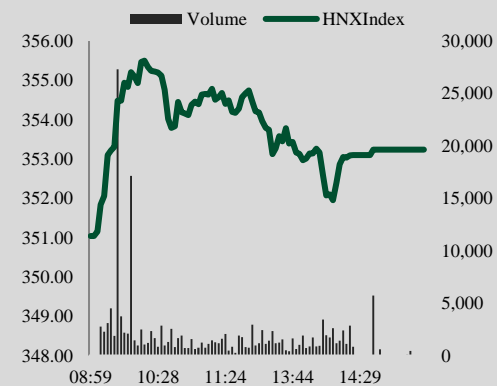
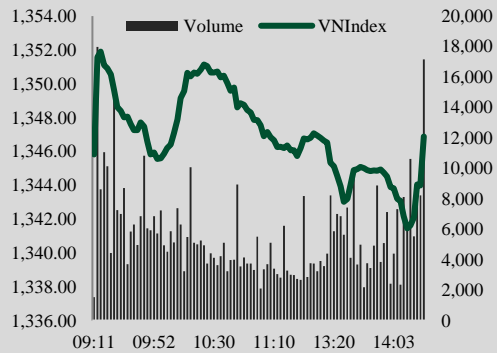
TIÊU ĐIỂM

VN Index không thay đổi so với phiên hôm qua, trong bối cảnh chỉ số tiếp tục thất bại trong việc chinh phục ngưỡng 1.350 điểm. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ so với phiên trước cả về giá trị và khối lượng giao dịch.

Thông kê thị trường	HSX	HNX
Index	1,345.87	353.24
Thay đổi	0.00%	0.71%
KLGD (tr.cổ phiếu)	577.64	166.54
GTGD (tỷ VND)	18,006.99	3,363.21

Số cổ phiếu tăng giá	212	116
Số cổ phiếu đứng giá	55	60
Số cổ phiếu giảm giá	187	101

Sản phẩm phái sinh	Chỉ số	Thay đổi
VN30F1M	1,449.80	2.30
VN30F2M	1,440.60	-0.80
VN30F1Q	1,442.60	3.20
VN30F2Q	1,435.30	0.40



VN INDEX GẮN NHƯ KHÔNG ĐỔI, THANH KHOẢN GIẢM NHẸ

- VN Index không thay đổi so với phiên hôm qua, trong bối cảnh chỉ số tiếp tục thất bại trong việc chinh phục ngưỡng 1.350 điểm. Thanh khoản thị trường giảm nhẹ so với phiên trước cả về giá trị và khối lượng giao dịch.
- Phiên tăng điểm đêm qua theo giờ Việt Nam của chỉ số Dow Jones (Mỹ) đã phần nào tạo tâm lý tích cực lên nhà đầu tư trong nước và khiến các chỉ số chứng khoán chính của Việt Nam đều mở cửa trong sắc xanh. Tâm lý nhà đầu tư duy trì bình ổn trong phiên sáng, khiến cho chỉ số chung đã có lúc vượt ngưỡng 1.350 điểm. Tuy nhiên, sang đến phiên chiều, lực cung chốt lời ngắn hạn bắt đầu xuất hiện nhiều hơn và chiếm ưu thế so với lực cầu, đặc biệt là các cổ phiếu vốn hóa lớn như VHM, VIC, HPG, ..., khiến cho chỉ số không thể giữ được đà tăng và quay trở lại mức tham chiếu khi kết phiên. Thanh khoản thị trường đạt hơn 21,900 tỷ VND trên cả ba sàn. Đóng cửa phiên giao dịch, VN Index không thay đổi so với phiên trước và dừng tại mức 1,345.87, còn HNX Index đóng cửa tại mức 353.24 (+0.71%).
- Sau những diễn biến giằng co quanh vùng kháng cự 1.350 điểm trong một số phiên gần đây, chúng tôi cho rằng chỉ số sẽ cần tích lũy lại thêm một thời gian để tạo tiền đề cho một nhịp bứt phá mới. Tuy nhiên, một số chỉ báo động lượng đã chứng lại đã giảm hoặc đảo chiều tăng, cho thấy có thể sẽ có nhịp hồi phục của chỉ số trong một vài phiên tới

Khuyến nghị

- Theo đó, chúng tôi cho rằng cơ hội đầu tư sẽ đến nhiều hơn ở nhóm cổ phiếu vốn hóa trung bình với mức định giá “rẻ” hơn tương đối so với mặt bằng chung trên thị trường trong bối cảnh nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng giảm đan xen và phân hóa trong ngắn hạn.
- Tham khảo thêm top 10 doanh nghiệp có lợi nhuận sau thuế tăng trưởng trong Q2.2021 so với cùng kỳ năm ngoái trong phần Thống kê thị trường của báo cáo này.

Một số tin tức đáng chú ý

- Mỹ trên đà ghi nhận thâm hụt ngân sách cao thứ 2 lịch sử. Bộ Tài chính Mỹ cho biết thâm hụt ngân sách của nước này đã tăng lên 2.710 tỷ USD tính từ đầu năm ngân sách đến tháng 8, trên đà trở thành khoản thâm hụt lớn thứ hai trong lịch sử.
- Sản lượng thép Trung Quốc giảm 3 tháng liên tiếp. Trong tháng 8, sản lượng thép thô của Trung Quốc giảm tháng thứ 3 liên tiếp khi Bắc Kinh duy trì các biện pháp cắt giảm sản lượng để giảm ô nhiễm môi trường, dữ liệu ngày 15/09 cho thấy.

Các danh mục cổ phiếu đầu tư tham khảo

- [Danh mục cổ phiếu đầu tư ngắn hạn](#)
- [Danh mục cổ phiếu đầu tư tăng trưởng dài hạn](#)
- [Danh mục cổ phiếu đầu tư theo cổ tức](#)

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

MÃ	NGÀY KHUYẾN NGHỊ	TRẠNG THÁI	NGÀY MUA	VÙNG MUA KHUYẾN NGHỊ	GIÁ HIỆN TẠI	NGƯỠNG CẮT LỖ	NGƯỠNG CHỐT LỜI	ƯỚC TÍNH % LÃI/LỖ	GHI CHÚ
HT1	31/08/2021	Đang nắm giữ	07/09/2021	21.00 - 21.50	23.20	19.75	25.70	9.18%	Cổ phiếu vẫn đang nắm trong xu hướng tăng giá tích cực và nhận được sự chú ý của dòng tiền.
ILB	31/08/2021	Đang nắm giữ	08/09/2021	32.00 - 32.50	32.60	30.30	38.05	1.09%	Cổ phiếu thuộc nhóm ngành có triển vọng kinh doanh tích cực giai đoạn cuối năm 2021 và vẫn đang nắm trong xu hướng tăng giá tích cực.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG DÀI HẠN

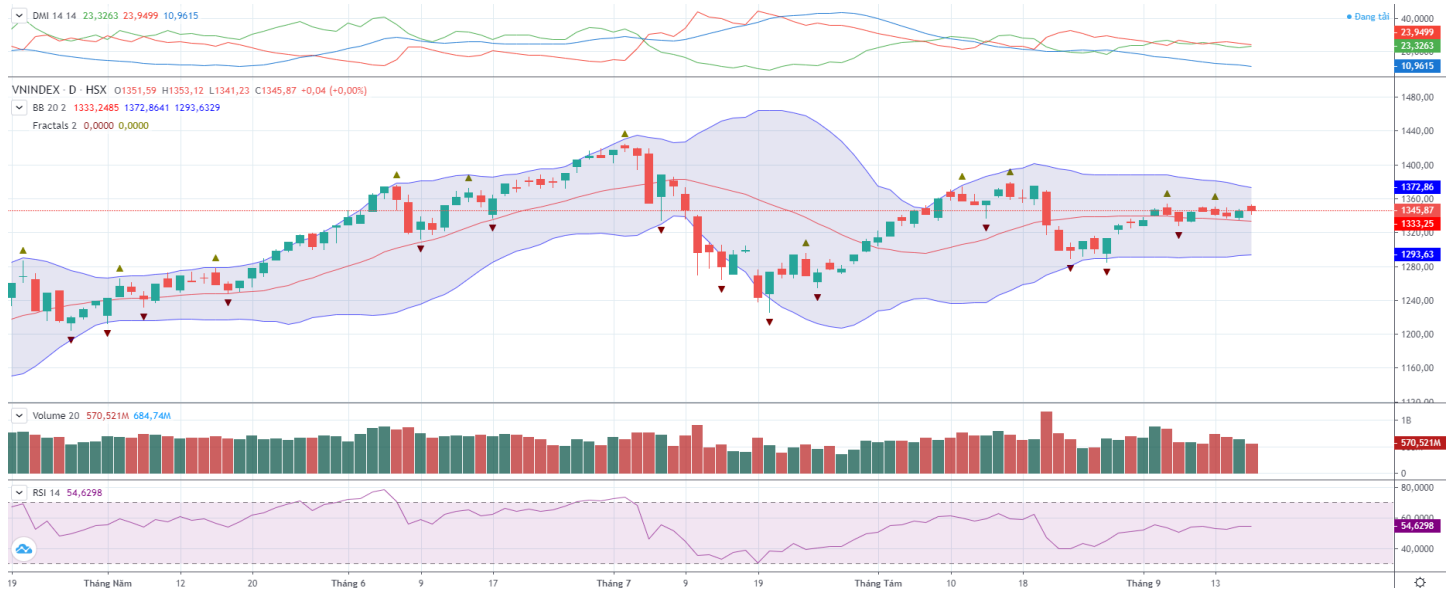
MÃ	GIÁ ĐIỀU CHỈNH (TẠI THỜI ĐIỂM BẮT ĐẦU KHUYẾN NGHỊ)	GIÁ MỤC TIÊU	GIÁ ĐÓNG CỬA HIỆN TẠI	% ƯỚC TÍNH LÃI/LỖ	ROA %	ROE %	EPS 2020 (nghìn VND)	P/E	P/B	Ghi chú
TPB	33.85	46.70	38.65	14.18%	2.02	24.68	3.40	9.20	2.04	
TCB	49.50	67.50	49.10	-0.81%	3.59	21.50	3.52	10.64	2.07	
DGC	83.00	150.00	132.70	59.88%	17.97	24.68	4.99	22.61	5.08	
CSV	41.30	54.20	53.30	29.06%	13.24	16.98	3.64	13.50	2.19	
NKG	32.00	44.00	43.65	36.41%	12.91	37.07	1.39	6.43	2.05	
PET	20.80	32.00	28.60	37.50%	3.14	11.52	1.53	13.45	1.54	
LHG	48.40	58.80	47.50	-1.86%	12.41	25.93	3.66	7.01	1.67	
TV2	44.30	61.10	57.90	30.70%	9.48	24.30	5.82	9.73	2.16	
PGV	25.68	35.30	30.00	16.82%	2.40	13.03	1.59	18.87	2.31	Bổ sung ngày 31/08/2021
GMD	43.60	50.10	52.90	21.33%	4.36	6.68	1.15	38.98	2.59	Đã vượt Giá mục tiêu
SZC	38.60	45.60	47.40	22.80%	5.86	19.72	1.68	18.98	3.56	Đã vượt Giá mục tiêu
PC1	25.10	33.70	36.95	47.21%	5.58	17.46	2.68	10.72	1.62	Đã vượt Giá mục tiêu

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐẦU TƯ THEO CỔ TỨC

MÃ	GIÁ ĐÓNG CỬA PHIÊN HÔM NAY	TỈ LỆ CỔ TỨC TIỀN MẶT/MỆNH GIÁ NĂM 2020	TỈ LỆ CỔ TỨC TIỀN MẶT 2020 / GIÁ HIỆN TẠI	ROA %	ROE %	EPS 2020 (x1000 VND)	P/E	P/B	GHI CHÚ
DVP	55.90	25.00%	4.47%	16.33	19.16	5.94	9.67	1.82	
FOC	117.60	200.00%	17.01%	18.98	24.16	9.99	11.78	2.66	
GHC	27.00	27.00%	10.00%	7.85	18.68	3.56	7.58	1.58	
HLD	37.90	10.00%	2.64%	10.15	14.54	3.71	11.35	1.70	
LHG	47.50	15.00%	3.16%	12.41	25.93	3.66	7.01	1.67	*: Ước tính cho năm 2020
NCT	81.00	75.00%	9.26%	39.77	45.99	7.49	9.91	4.91	
NT2	21.40	25.00%	11.68%	4.66	7.27	2.10	19.58	1.49	
RAL	196.00	50.00%	2.55%	9.80	37.48	29.23	5.95	2.04	
PPC	24.00	20.00%	8.33%	13.08	15.64	3.15	9.00	1.57	
VEA	42.60	35.00%	8.22%	18.35	21.41	4.17	10.23	2.26	*: Ước tính cho năm 2020

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

VN Index



VN Index tiếp tục diễn biến dao động phía trên đường MA 20 ngày cho thấy đà tăng có thể tiếp diễn trong tuần này. Bên cạnh đó, chỉ báo ADX có thể sẽ cho tín hiệu mua trong một hai phiên tiếp theo, do đó chúng tôi thiên về kịch bản chỉ số sẽ nối dài đà tăng và vượt mốc 1.350 điểm trong tuần này. Ngưỡng kháng cự tại 1,350 – 1,360, ngưỡng hỗ trợ tại 1,270 – 1,280.

Cổ phiếu đáng chú ý trong ngày

STT	MÃ KHUYẾN NGHỊ	GIÁ MUA	NHẬN ĐỊNH
1	KDH	42.35	Bứt phá khỏi vùng tích lũy với khối lượng lớn Dừng lỗ: 39.80 Chốt lời: 50.00



THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

TOP 5 CP LÀM TĂNG CHỈ SỐ

HOSE

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
MSN	149,800	3.38	1.582	2.29MLN
VCB	98,100	1.03	1.015	570,400
VRE	30,000	5.08	0.924	14.83MLN
VPB	65,000	1.72	0.739	4.70MLN
TCB	49,100	1.45	0.671	5.52MLN

HNX

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
SHB	26,100	1.95	1.227	10.27MLN
IDC	45,800	3.62	0.575	6.84MLN
BAB	22,200	0.91	0.203	49,000
IDJ	26,600	9.47	0.190	2.40MLN
THD	224,200	0.18	0.157	1.04MLN

TOP 5 CP LÀM GIẢM CHỈ SỐ

HOSE

Mã	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
VIC	87,800	-3.94	-3.331	15.13MLN
VHM	80,100	-2.20	-1.649	7.93MLN
SAB	161,000	-3.01	-0.877	200,200
HVN	25,500	-4.85	-0.504	2.74MLN
HPG	51,300	-0.58	-0.367	17.98MLN

HNX

CP	Giá	% thay đổi	TĐCS	KLGD
SHS	38,600	-1.28	-0.229	3.29MLN
BII	27,900	-10.00	-0.228	8.86MLN
PVS	28,200	-0.70	-0.072	9.49MLN
NVB	30,000	-0.33	-0.061	1.16MLN
MBS	34,300	-1.44	-0.050	1.13MLN

TOP 5 CP TĂNG GIÁ MẠNH NHẤT ĐI CÙNG KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE

Mã	Vốn hóa	Giá	KLGD	% thay đổi giá
BMC	332.74	26,850	391,200	6.97
EVE	643.01	16,900	281,800	6.96
ITD	395.05	20,800	1,207,200	6.94
FDC	565.83	14,650	106,000	6.93
TGG	1,646.19	60,300	1,335,900	6.91

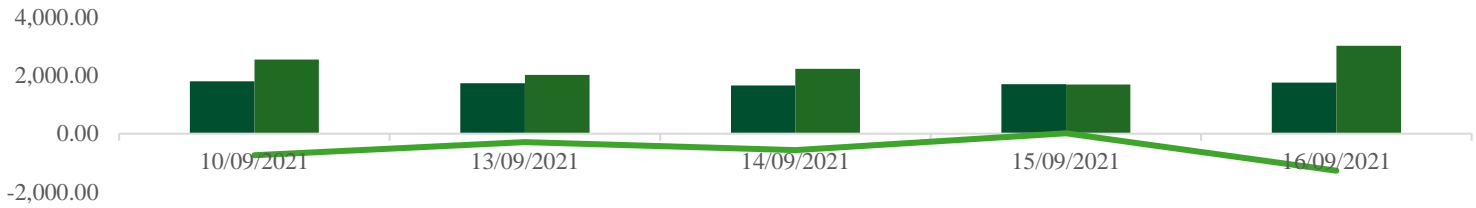
HNX

Mã	Vốn hóa	Giá	KLGD	% thay đổi giá
FID	129.47	5,500	1,089,900	10.00
THT	491.38	20,000	863,700	9.89
APS	998.40	17,800	6,129,300	9.88
TKU	1,627.31	50,400	65,700	9.80
DVG	347.20	12,400	128,440	9.73

TOP 10 DOANH NGHIỆP CÓ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TĂNG TRƯỞNG SO VỚI CÙNG KỲ

STT	Mã	Giá đóng cửa (x1000 VND)	KLGD (cổ phiếu)	LNST Q2.2020 (Tỷ VND)	LNST Q2.2021 (Tỷ VND)	% thay đổi LNST (yoy)
1	NKG	43.65	6,976,200	17.30	847.51	4798.90%
2	SMC	52.50	684,800	41.83	532.29	1172.51%
3	HSG	47.00	12,883,200	318.11	1,701.82	434.98%
4	LPB	22.10	2,924,100	320.63	740.49	130.95%
5	OCB	22.40	661,100	605.70	1,107.92	82.92%
6	TCB	49.10	5,523,500	2,889.00	4,806.66	66.38%
7	TPB	38.65	5,226,100	817.85	1,268.92	55.15%
8	VPB	65.00	4,700,400	2,951.02	4,016.36	36.10%
9	GAS	92.60	981,700	1,828.02	2,301.38	25.89%
10	MBB	27.80	9,774,200	2,389.66	2,730.50	14.26%

Hoạt động khối ngoại trên HSX, HNX, UpCom



TOP 5 CP MUA RÒNG CỦA NĐTNN

HOSE

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VRE	30,000	130.68	52.02	78.66
MSN	149,800	162.31	114.74	47.57
MBB	27,800	58.74	23.48	35.26
GMD	52,900	33.95	1.44	32.51
KDH	42,700	53.78	23.51	30.27

TOP 5 CP BÁN RÒNG CỦA NĐTNN

HOSE

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
VIC	87,800	343.09	1,491.22	1,148.13
DGW	109,700	3.04	86.03	82.99
DGC	132,700	0.07	43.04	42.98
VNM	86,400	181.37	221.74	40.37
DPM	34,950	0.23	32.45	32.22

HNX

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
CEO	10,700	2.82	-	2.82
DL1	9,300	1.95	-	1.95
ACM	3,900	0.87	-	0.87
PVS	28,200	1.69	0.91	0.78
VCS	117,800	1.22	0.51	0.71

HNX

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
BII	27,900	0.06	2.52	2.46
NVB	30,000	0.03	2.70	2.66
IDJ	26,600	-	1.05	1.05
PVG	12,700	0.00	0.95	0.95
SHS	38,600	0.16	1.10	0.94

UPCOM

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
QNS	54,000	49.72	0.73	48.99
ACV	84,100	13.37	0.18	13.19
BSR	19,100	6.19	3.13	3.06
VTP	82,500	2.05	0.14	1.91
VNB	20,500	0.51	-	0.51

UPCOM

Mã	Giá	GT mua (VND)	GT Bán (VND)	Giá trị ròng (VND)
CTR	79,200	0.01	6.17	6.16
AMS	18,000	0.14	1.16	1.02
VEA	42,600	32.27	33.24	0.97
MML	89,000	0.52	1.42	0.90
PGB	25,200	-	0.70	0.70

ĐIỀU KHOẢN SỬ DỤNG

Báo cáo này và/hoặc bất kỳ nhận định, thông tin nào trong báo cáo này không phải là các lời chào mua hay bán bất kỳ một sản phẩm tài chính, chứng khoán nào được phân tích trong báo cáo và cũng không là sản phẩm tư vấn đầu tư hay ý kiến tư vấn đầu tư nào của VCBS hay các đơn vị/thành viên liên quan đến VCBS. Do đó, nhà đầu tư chỉ nên coi báo cáo này là một nguồn tham khảo. VCBS không chịu bất kỳ trách nhiệm nào trước những kết quả ngoài ý muốn khi quý khách sử dụng các thông tin trên để kinh doanh chứng khoán.

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo phân tích đều đã được thu thập, đánh giá với mức cẩn trọng tối đa có thể. Tuy nhiên, do các nguyên nhân chủ quan và khách quan từ các nguồn thông tin công bố, VCBS không đảm bảo về tính xác thực của các thông tin được đề cập trong báo cáo phân tích cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật những thông tin trong báo cáo sau thời điểm báo cáo này được phát hành.

Báo cáo này thuộc bản quyền của VCBS. Mọi hành động sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung báo cáo và/hoặc xuất bản mà không có sự cho phép bằng văn bản của VCBS đều bị nghiêm cấm.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trần Minh Hoàng

Trưởng phòng Phân tích & Nghiên cứu

tmhoang@vcbs.com.vn

Nguyễn Hoàng Minh

Chiến lược gia thị trường

nhminh@vcbs.com.vn

Mai Ngọc Kha

Trưởng bộ phận Phát triển khách hàng

mnkha@vcbs.com.vn

Hoàng Tùng Vũ

Chuyên viên phân tích thị trường

htvu@vcbs.com.vn



**Ra mắt
VCBS Mobile
Hoàn toàn mới
Ưu đãi ngập tràn**

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam



Trụ sở chính Hà Nội

Tầng 12&17, Tòa nhà Vietcombank, số 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 12, số 251 Nguyễn Văn Linh, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1 & 7, Toà nhà Green Star số 70 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh



Hotline: 1900 98 9999



Website: www.vcbs.com.vn

